

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo, từ trang 3 đến trang 12, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất đầy đủ đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á ("Ngân hàng"). Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần trên báo cáo tài chính hợp nhất đầy đủ này tại Báo cáo kiểm toán lập ngày 31 tháng 3 năm 2015 với đoạn lưu ý về một số khoản cho vay Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (trước đây là Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - "Vinashin") và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ("Vinalines"), các khoản cho vay này đang thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng theo chỉ đạo của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và các khoản nợ phải thu của Công ty TNHH MTV Quân lý và Khai thác tài sản SeABank đang được trích lập dự phòng theo chế độ tài chính áp dụng cho loại hình công ty quản lý nợ và khai thác tài sản. Báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất đầy đủ của Ngân hàng.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 - "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt, được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng đã được kiểm toán, đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính hợp nhất đầy đủ đã được kiểm toán.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0029-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2015
Báo cáo kiểm toán số: 1086/VN14-HN-BC

Nguyễn Tuấn Anh

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1291-2013-001-1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014			
TT	CHỈ TIÊU	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
A.	TÀI SẢN		
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	528.657	464.659
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN)	3.377.660	1.320.543
III.	Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	26.147.621	31.346.315
1.	Tiền gửi tại các TCTD khác	14.587.381	12.714.699
2.	Cho vay các TCTD khác	11.560.240	18.631.616
3.	Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	-	-
IV.	Chứng khoán kinh doanh	8.650	20.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	8.650	20.000
V.	Cho vay khách hàng	31.568.334	20.422.981
1.	Cho vay khách hàng	32.066.117	20.928.780
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(497.783)	(505.799)
VI.	Chứng khoán đầu tư	12.250.883	18.233.813
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	10.830.517	10.643.435
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	1.492.289	7.592.246
3.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(71.923)	(1.868)
VII.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	183.187	189.787
1.	Đầu tư dài hạn kinh doanh	183.187	189.787
VIII.	Tài sản cố định	287.852	286.879
1.	Tài sản cố định hữu hình	214.200	212.751
a.	Nguyên giá TSCĐ	445.860	411.627
b.	Hao mòn TSCĐ	(231.660)	(198.876)
2.	Tài sản cố định vô hình	73.652	74.128
a.	Nguyên giá TSCĐ	138.723	132.059
b.	Hao mòn TSCĐ	(65.071)	(57.931)
IX.	Bất động sản đầu tư	318.928	327.824
a.	Nguyên giá BĐSĐT	320.788	329.111
b.	Hao mòn BĐSĐT	(1.860)	(1.287)
X.	Tài sản Có khác	5.511.896	7.251.631
1.	Các khoản phải thu	2.491.908	4.672.674
2.	Các khoản lãi, phí phải thu	1.698.917	1.798.418
3.	Tài sản Có khác	1.321.274	780.539
4.	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	(203)	-
	TỔNG TÀI SẢN CÓ	80.183.668	79.864.432
B.	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
I.	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	495.653
II.	Tiền gửi và vay các TCTD khác	25.596.329	33.761.387
1.	Tiền gửi của các TCTD khác	15.691.318	9.430.271
2.	Vay các TCTD khác	9.905.011	24.331.116
III.	Tiền gửi của khách hàng	45.030.136	36.183.422
IV.	Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-
V.	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	19.953	39.951
VI.	Phát hành giấy tờ có giá	2.900.000	2.000.000
VII.	Các khoản nợ khác	955.226	1.659.894
1.	Các khoản lãi, phí phải trả	598.083	818.943
2.	Các khoản phải trả và công nợ khác	357.143	839.302
3.	Dự phòng rủi ro khác	-	1.649
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	74.501.644	74.140.307

TT	CHỈ TIÊU	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
VIII.	Vốn và các quỹ	5.682.024	5.724.125
1.	Vốn của TCTD	5.465.881	5.465.881
a.	Vốn điều lệ	5.465.826	5.465.826
b.	Vốn khác	55	55
2.	Quỹ của TCTD	142.328	129.302
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	73.815	128.942
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	80.183.668	79.864.432
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
I.	Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	499.997	233.665
1.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	284.646	143.947
2.	Bảo lãnh khác	215.351	89.718

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014			
TT	CHỈ TIÊU	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	4.169.237	4.807.596
2.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(3.445.012)	(3.943.882)
I.	Thu nhập lãi thuần	724.225	863.714
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	65.427	60.754
4.	Chi phí hoạt động dịch vụ	(26.887)	(34.799)
II.	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	38.540	25.955
III.	(Lãi)/ Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và đánh giá tỷ giá ngoại tệ	12.930	10.724
IV.	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	1.168	-
V.	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	306.856	5.838
5.	Thu nhập từ hoạt động khác	10.693	20.629
6.	Chi phí hoạt động khác	(10.148)	(2.296)
VI.	(Lỗ)/Lãi thuần từ hoạt động khác	545	18.333
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	7.264	150.235
VIII.	Chi phí hoạt động	(780.120)	(801.158)
IX.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	311.408	273.641
X.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(201.747)	(73.273)
XI.	Tổng lợi nhuận trước thuế	109.661	200.368
7.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(22.783)	(48.671)
XII.	Chi phí thuế TNDN	(22.783)	(48.671)
XIII.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	86.878	151.697
XIV.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	159	278

Người lập:

Người phê duyệt:

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2015
Người phê duyệt:

Trần Thu Huyền

Trần Thu Huyền

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Ông Đặng Bảo Khánh
Tổng Giám đốc